

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số : 17/Moonmilk/2026

**I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH MOONMILK

Trụ sở: Tổ 13 Đường Đệ, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258 3553 888

Email: [import2.moonmilk@gmail.com](mailto:import2.moonmilk@gmail.com)

Mã số doanh nghiệp: 4201570744, do Sở KH & ĐT tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký lần đầu ngày 27/08/2013, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 09/01/2023.

**III. Thông tin về sản phẩm:**

1. Tên sản phẩm: BÁNH CREPE HOMEMADE MRT

2. Thành phần: Nước uống, bột mì hảo hạng, dầu hướng dương tinh luyện khử mùi, đường, sữa bột tách béo, bột trứng, muối ăn, chất tạo xốp natri bicarbonat (soda thực phẩm).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 365 kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói: 400g hoặc khối lượng tịnh đúng với khối lượng tịnh đã ghi trên nhãn sản phẩm cho từng loại bao bì chứa đựng.

5. Chất liệu bao bì: Bao bì nhựa – phù hợp quy định an toàn vật liệu tiếp xúc thực phẩm của Bộ Y Tế

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: Công ty TNHH “Bryansk Meat Company”.

Mã số nhà máy: RU-032/DL37107. Địa chỉ pháp lý: 242221, Liên bang Nga, tỉnh Bryansk, huyện Trubchevsky, thị trấn Progress, phố Belgorodskaya, số nhà 2.

Địa chỉ sản xuất: 243351, Liên bang Nga, tỉnh Bryansk, quận Vygnichsky, xã Hmelevskoe, đường cao tốc Bryansk – Novozybkov, km 39, tòa nhà 9.

**Mẫu nhãn sản phẩm:** đính kèm mẫu nhãn phụ và nhãn chính dự kiến

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Cty TNHH Moonmilk kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1: 2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- QCVN 8-2: 2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3: 2012/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
- Thông tư số 24/2019/TT-BYT – Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.



- Thông tư số 24/2013/TT-BYT – Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm.

#### 4.1. Các chỉ tiêu vi sinh vật

Phù hợp QCVN 8-3:2012/BYT

STT	Tên chỉ tiêu	n	c	m (CFU/g)	M (CFU/g)
01	TSVSVHK	5	2	$5 \times 10^5$	$5 \times 10^6$
02	E.coli	5	2	$5 \times 10^2$	$5 \times 10^3$
03	Staphylococcus aureus	5	2	$10^2$	$10^3$

#### 4.2. Hàm lượng kim loại nặng

Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
01	Cadimi (Cd)	mg/kg	0,5
02	Chì (Pb)	mg/kg	0,5

#### 4.3. Độc tố vi nấm

Phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT, mục 1.6 và 2.2 (nhóm sản phẩm từ ngũ cốc).

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
01	Aflatoxin B1	$\mu\text{g/kg}$	2
02	Aflatoxin tổng số	$\mu\text{g/kg}$	4
03	Ochratoxin A	$\mu\text{g/kg}$	3



Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các qui định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 03 năm 2026

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY**



*Nguyễn Hữu Long*



## Nhãn phụ



### • BÁNH CREPE HOMEMADE MRT

- Thành phần: nước uống, bột mì hảo hạng, dầu hướng dương tinh luyện khử mùi, đường, sữa bột tách béo, bột trứng, muối ăn, chất tạo xốp natri bicarbonat (soda thực phẩm).
- Lưu ý: Tại cơ sở sản xuất có sử dụng: thịt bò, thịt gà broiler, thịt cừu, thịt heo, cần tây, đậu nành, đậu phộng, ngũ cốc chứa gluten và các sản phẩm từ chúng. Do đó, sản phẩm có thể chứa dấu vết của các thành phần này.
- Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:  
Điều kiện bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ không cao hơn -18°C. Không được tái cấp đông sau khi đã rã đông.  
Ngày sản xuất và đóng gói, hạn sử dụng: Xem trên bao bì.
- Quy cách và đóng gói: Xem trên bao bì
- Xuất xứ: Nga  
Nhà sản xuất: Công ty TNHH “Bryansk Meat Company”.  
Mã số nhà máy: RU-032/DL37107. Địa chỉ pháp lý: 242221, Liên bang Nga, tỉnh Bryansk, huyện Trubchevsky, thị trấn Progress, phố Belgorodskaya, số nhà 2.  
Địa chỉ sản xuất: 243351, Liên bang Nga, tỉnh Bryansk, quận Vygichsky, xã Hmelevskoe, đường cao tốc Bryansk – Novozybkov, km 39, tòa nhà 9.
- Thương nhân nhập khẩu, phân phối và tự công bố sản phẩm:  
**CÔNG TY TNHH MOONMILK**  
Địa chỉ: Tổ 13 Đường Đệ, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam  
SĐT: 0258 3553 888
- Số công bố : 17/Moonmilk/2026

## Nhãn phụ

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g	
Năng lượng (Energy)	215 Kcal
Đạm (Protein)	5.87 g
Carbohydrat (Carbohydrate)	30.4 g
Đường tổng (Total Sugar)	9.18 g
Béo tổng (Total fat)	7.72 g
Natri (Sodium)	373 mg
Giá trị dinh dưỡng của sản phẩm dao động (+/-) 20% giá trị công bố ghi trên nhãn	

## MIRATORG

### Há cảo **HOMEMADE** kiểu Nga

Vỏ bánh làm từ bột mì cao cấp

Thịt do chính cơ sở tự sản xuất

GIA VỊ

THỊT LỢN VÀ THỊT BÒ TỰ NHIÊN

HÁ CẢO “HOMEMADE”

SẢN PHẨM THỊT CHẾ BIẾN SẴN ĐÔNG LẠNH, LOẠI B

(Mã vạch) 4670002943887

Thành phần: Nhân: thịt bò, thịt lợn, nước uống, hành tây, muối, đường, hạt tiêu đen; vỏ bánh: bột mì cao cấp, nước uống, hỗn hợp lòng trắng và lòng đỏ trứng, muối, dầu hướng dương. Tại cơ sở sản xuất có sử dụng: sữa và các sản phẩm từ sữa, và thịt gà broiler, do đó sản phẩm có thể chứa dấu vết của chúng.

Điều kiện bảo quản: ở nhiệt độ không quá -18°C.

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG VÀ NĂNG LƯỢNG TRONG 100 G SẢN PHẨM (TRUNG BÌNH):

CHẤT ĐẠM	CHẤT BÉO	CARBOHYDRATE	kcal/kJ
8 g	16 g	28 g	290/1210

Khối lượng tịnh: 800 g

100% Thịt do chính cơ sở tự sản xuất

Hạn sử dụng: 180 ngày

### CÁCH CHẾ BIẾN:

1. Không rửa đông, cho há cảo vào nước sôi có muối theo tỷ lệ (1:4), khuấy đều.
2. Sau khi nước sôi lại, luộc thêm 5–6 phút cho đến khi chín.
3. Để có thêm hương thơm cay nồng, khi luộc há cảo hãy cho thêm lá nguyệt quế và hạt tiêu.

Thời gian nấu có thể khác nhau tùy thuộc vào loại thiết bị.

Tên và địa điểm của nhà sản xuất được chỉ ra bằng một chữ cái nằm cạnh thông tin về ngày sản xuất và thời hạn sử dụng của sản phẩm.

(B) Nhà sản xuất: CTCP chưa đại chúng “SK Korocha”. Địa chỉ pháp lý và thực tế: Liên bang Nga, 309920, Tỉnh Belgorod, quận Korochansky, khu vực CTCP chưa đại chúng SK Korocha.

(K) Nhà sản xuất: CTY TNHH “Miratorg-Kursk”. Địa chỉ pháp lý: Liên bang Nga, 307120, Tỉnh Kursk, quận Fatezhsky, làng Verkhny Lyubazh, đường Zapadnaya, số 6. Địa chỉ thực tế: Liên bang Nga, 307207, Tỉnh Kursk, quận Oktyabrsky, làng Chernytsino, số nhà 2, tòa 1.

Điện thoại đường dây nóng: 8 (800) 100-80-87 (gọi miễn phí từ Nga), miratorg.ru.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY MOONMILK  
GIÁM ĐỐC  
(Đã ký và đóng dấu)  
NGUYỄN HỮU LONG

Huan

Tôi, Ngô Đình Hoàn, CCCD số: 034080013001 cấp ngày 29/04/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về TTXH; cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ **tiếng Nga sang tiếng Việt**.

Ngày 19 tháng 09 năm 2025

**Người dịch**

*Huanh*

**Ngô Đình Hoàn**

Ngày 19 tháng 09 năm 2025 (Ngày mười chín, tháng chín, năm hai nghìn không trăm hai mươi lăm)

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội.

Tôi, **CÔNG CHỨNG VIÊN** là Công chứng viên, Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

*Vũ Mạnh Hùng*

**CHỨNG THỰC**

- Ông Ngô Đình Hoàn, là người đã ký vào bản dịch này.

**Số chứng thực 56705 Quyển số: 01 /2025 - SCT/CKND**

Ngày 19 tháng 09 năm 2025

**CÔNG CHỨNG VIÊN**



**CÔNG CHỨNG VIÊN**

*Vũ Mạnh Hùng*

# GIẤY XÁC NHẬN NHÃN THỰC PHẨM NHẬP KHẨU

Tên sản phẩm: HÁ CẢO HOMEMADE MRT  
Nhãn chính:



## ПЕЛЬМЕНИ «ДОМАШНИЕ»

ПОЛУФАБРИКАТ МЯСНОЙ В ТЕСТЕ, КАТЕГОРИИ В, ЗАМОРОЖЕННЫЙ

**Состав:** фарш: говядина, свинина, вода питьевая, лук репчатый, соль, сахар, перец черный; **тесто:** мука пшеничная в/с, вода питьевая, яичный меланж, соль, масло подсолнечное. **На предприятии используются:** молоко и продукты его переработки, а также мясо цыпленка-бройлера, в связи с чем продукт может содержать их следы.  
**Условия хранения:** при температуре не выше минус 18 °С.

ПИЩЕВАЯ И ЭНЕРГЕТИЧЕСКАЯ ЦЕННОСТЬ В 100 Г ПРОДУКТА (СРЕДНИЕ ЗНАЧЕНИЯ):

БЕЛКИ	ЖИРЫ	УГЛЕВОДЫ	ккал/кДж
8 г	16 г	28 г	290/1210



## СПОСОБ ПРИГОТОВЛЕНИЯ:

1. Не размораживая, положитепельмени в подсоленную кипящую воду в соотношении (1:4), периодически помешивая.
  2. После повторного закипания варите их еще 5-6 минут до готовности.
  3. Для приданияпряного аромата добавьте кпельменям при варке лавровый лист и перчик горошком.
- Время приготовления может отличаться в зависимости от типа оборудования.

Наименование и место нахождения изготовителя указаны буквой рядом с информацией о дате изготовления и сроке годности продукции.

**(Б) Изготовитель:** ЗАО «СК Короча». **Юридический и фактический адрес:** Российская Федерация, 309220, Белгородская область, Корочанский район, территория ЗАО СК Короча.

**(К) Изготовитель:** ООО «Мираторг-Курск». **Юридический адрес:** Российская Федерация, 307120, Курская область, Фатежский район, село Верхний Любаж, ул. Западная, владение 6. **Фактический адрес:** Российская Федерация, 307207, Курская область, Октябрьский район, Черницынский сельсовет, село Черницыно, строение 2, корпус 1.

**Телефон горячей линии:** 8 (800) 100-80-87 (звонок по России бесплатный). [miratorg.ru](http://miratorg.ru).



ĐẠI DIỆN CÔNG TY MOONMILK



*Nguyễn Hữu Long*



Trang/ Page No: 1/2

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: CGC5250900068-2

**Tên khách hàng/ Client's Name** : CÔNG TY TNHH MOONMILK  
**Địa chỉ/ Client's Address** : Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam  
**Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received** : 05/09/2025  
**Ngày thử nghiệm/ Date of testing** : 05/09/2025 - 13/09/2025  
**Ngày trả kết quả/ Date of Issue** : 13/09/2025  
**Thông tin mẫu/ Name of Sample** : BÁNH CREPE "NHÀ LÀM" MRT  
**Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong bao bì kín  
**Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Aflatoxin B1 (*) / Aflatoxin B1 (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211
2	Aflatoxin tổng số (*) / Total Aflatoxin (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211
3	Ochratoxin A (*) / Ochratoxin A (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.3)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211
4	Deoxynivalenol (*) / Deoxynivalenol (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211
5	Zearalenone (*) / Zearalenone (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211
6	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.003)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
7	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.003)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
8	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	1.2 x 10 <sup>2</sup>	CFU/g	TCVN 4884-1:2015(ISO 4833-1:2013)
9	Coliforms (*) / Coliforms (*)	<10	CFU/g	TCVN 6848:2007(ISO 4832:2006)



*Qu*





**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
10	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	<10	CFU/g	TCVN 7924-2:2008(ISO 16649-2:2001)
11	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	<10	CFU/g	AOAC 975.55
12	Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	<10	CFU/g	ISO 15213-2:2023
13	Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*)	<10	CFU/g	AOAC 980.31
14	Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds	<10	CFU/g	Ref. TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- (\*\*)(\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*\*)(\*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
  - Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
  - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
  - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) : Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)./ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
  - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"/ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".



**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**

M.S.D.N: 0317692663-C.T.P  
 CÔNG TY CỔ PHẦN  
 KHOA HỌC CÔNG NGHỆ  
**AVATEK**  
 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**TRẦN HOÀNG VINH**





**AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC**  
**TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK**



Trang/ Page No: 1/2

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: NIC7260300117-17

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH MOONMILK  
Địa chỉ/ Client's Address : Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam  
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 07/03/2026  
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 07/03/2026 - 14/03/2026  
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 18/03/2026  
Thông tin mẫu/ Name of Sample : BÁNH CREPE \*NHÀ LÀM\* MRT  
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín  
Bảng kết quả/ Results Table :



*Qua*





**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Năng lượng (Tính từ protein, béo và carbohydrate) (*) / Calories (Calculated from protein, fat and carbohydrate) (*)	215	kcal/100g	AVA-KN-PP.HL/10
2	Đạm (*) / Protein (*)	5.87	g/100g	AVA-KN-PP.HL/01
3	Carbohydrat (*) / Carbohydrate (*)	30.4	g/100g	AVA-KN-PP.HL/04
4	Đường tổng (tính theo glucose) (*) / Total sugar (as glucose) (*)	9.18	g/100g	AVA-KN-PP.HL/03
5	Béo tổng (*) / Total fat (*)	7.72	g/100g	AVA-KN-PP.HL/02
6	Natri (Na) (*) / Sodium (Na) (*)	373	mg/100g	AVA-KN-PP.QP/063

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- (\*\*)(\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*\*)(\*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD : Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LOQ : Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
  - Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
  - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
  - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) : Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)/ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
  - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"/ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".



**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**  
  
**TRẦN HOÀNG VINH**

